

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 32/2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang:

1. Điều 6 được sửa đổi như sau:

“Điều 6. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.”

2. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

Thực hiện nguyên tắc tại Điều 74 của Luật Đất đai 2013, việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở theo Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thực hiện như sau:



1. Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì bồi thường bằng việc giao đất ở tại khu tái định cư theo diện tích quy hoạch khu tái định cư tương ứng, phân chênh lệch giá trị (nếu có) được áp dụng theo Khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì bồi thường bằng tiền.

3. Việc bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì được bồi thường về đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

b) Hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú (trừ trường hợp đã được bồi thường về đất tại Điểm a Khoản này) phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở (đất ở, nhà ở) nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất thì được giao đất ở tại khu tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

4. Tùy tình hình thực tế của từng dự án mà Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương thức bồi thường về đất bằng tiền hay bằng việc giao đất ở tại khu tái định cư cho phù hợp.”

3. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 26. Giao đất ở tại khu tái định cư

1. Đối tượng được giao đất ở tại khu tái định cư

a) Trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Quy định này;

b) Trường hợp sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

c) Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

d) Trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 6, Khoản 5 Điều 7 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điểm b Khoản 3 Điều 11, Khoản 2 Điều 19 của Quy định này. Các trường hợp này phải có Sổ hộ khẩu tại nơi giải tỏa trước thời điểm quyết định thu hồi đất hoặc có đăng ký tạm trú (có sổ tạm trú hoặc xác nhận của Công an cấp xã) tại nơi giải tỏa trước thời điểm thông báo thu hồi đất từ đủ 12 tháng trở lên mà phải di chuyển chỗ ở, không còn chỗ ở (nhà ở, đất ở) nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi thu hồi đất.

2. Diện tích giao đất ở tại khu tái định cư tập trung được đầu tư xây dựng sau khi Quy định này có hiệu lực thi hành:

a) Diện tích giao đất ở tại khu tái định cư tập trung cho đối tượng quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này phải đảm bảo phù hợp giữa diện tích đất ở thu hồi (hoặc đất ở được bồi thường) với diện tích từng lô (nền) được phê duyệt trong quy hoạch chi tiết của mỗi khu tái định cư tập trung, nhưng thấp nhất phải bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu ($60m^2$). Riêng diện tích giao đất ở tại khu tái định cư tập trung cho đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Diện tích giao đất ở tại khu tái định cư tập trung cho đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này là một (01) suất tái định cư tối thiểu ($60m^2$).

3. Trường hợp đặc biệt Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.”

4. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28. Hỗ trợ tái định cư

1. Hỗ trợ tái định cư theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi $\leq 60m^2$ thì hỗ trợ bằng tiền là 72.000.000 đồng.

b) Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi $> 60m^2$ thì mỗi $01m^2$ được hỗ trợ 1.200.000 đồng nhưng tổng số tiền hỗ trợ không vượt quá 120.000.000 đồng.

2. Các trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư tại Khoản 1 Điều này mà phải di chuyển chỗ ở, được giao đất ở tại khu tái định cư nhưng có nguyện vọng tự lo chỗ ở, áp dụng biện pháp hỗ trợ khác tại Điều 25 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, hỗ trợ một khoản tiền như sau:

a) Đối tượng quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 26 của Quy định này thì được hỗ trợ 60.000.000 đồng/trường hợp.

b) Đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 của Quy định này thì thực hiện hỗ trợ theo mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này.”

5. Bãi bỏ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 19 và Điều 27.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ: TNMT, TC, XD;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- UBMTTQVN, các Đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 2;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT. NgH

D/nguyethang/2012/QĐ-PhapQuy/
Điều chỉnh QĐ 39

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Văn Hùng